

PHÁP LỆNH LÃNH SỰ NGÀY 13/11/1990

Để phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước, bảo vệ ở nước ngoài quyền và lợi ích của Nhà nước, pháp nhân và công dân Việt Nam;

Căn cứ vào Điều 14 và Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định tổ chức và hoạt động lãnh sự của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

Chương I

Những qui định chung

Điều 1. Cơ quan lãnh sự.

Cơ quan lãnh sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm Tổng lãnh sự quán và Lãnh sự quán.

Người đứng đầu Tổng lãnh sự quán là một Tổng lãnh sự, người đứng đầu Lãnh sự quán là một Lãnh sự, dưới đây gọi chung là "Lãnh sự".

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan lãnh sự.

Cơ quan lãnh sự có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- 1 - Bảo vệ ở nước ngoài quyền và lợi ích của Nhà nước, pháp nhân và công dân Việt Nam;
- 2 - Góp phần phát triển và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với nước tiếp nhận; tìm hiểu pháp luật, tình hình kinh tế, thương mại, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, du lịch và các lĩnh vực khác; phát hiện khả năng, mức độ và chuyên ngành mà Việt Nam có thể hoặc cần hợp tác để giúp các cơ quan, tổ chức hữu quan phát triển quan hệ hợp tác với nước tiếp nhận;
- 3 - Nghiên cứu khả năng phát triển quan hệ lãnh sự giữa Việt Nam với nước tiếp nhận, tìm hiểu quan hệ lãnh sự giữa nước tiếp nhận với các nước khác, đề xuất kiến nghị việc ký kết điều ước quốc tế liên quan đến quan hệ lãnh sự.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chức năng lãnh sự.

- 1 - Lãnh sự thực hiện chức năng lãnh sự theo quy định của Pháp lệnh này. Lãnh sự cũng có thể thực hiện những chức năng khác không trái với pháp luật Việt Nam và được nước tiếp nhận chấp thuận.
- 2 - Lãnh sự bắt đầu thực hiện chức năng khi được nước tiếp nhận chấp thuận.
- 3 - Lãnh sự trực tiếp hoặc uỷ nhiệm cho viên chức lãnh sự khác thực hiện chức năng lãnh sự.
- 4 - Người thực hiện chức năng lãnh sự trong cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam thực hiện chức năng ở nước tiếp nhận theo quy định của Pháp lệnh này.

Điều 4. Thực hiện chức năng lãnh sự liên quan đến nước thứ ba.

- 1 - Lãnh sự có thể được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam uỷ nhiệm thực hiện chức năng lãnh sự ở nước thứ ba nếu được nước đó đồng ý.
- 2 - Lãnh sự có thể thực hiện chức năng lãnh sự do nước thứ ba uỷ nhiệm, nếu được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam cho phép và nước tiếp nhận đồng ý.

Điều 5. Thực hiện chức năng ngoại giao.

Lãnh sự có thể được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam uỷ nhiệm thực hiện một số chức năng ngoại giao, nếu ở nước tiếp nhận không có cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam và được nước này chấp thuận.

Điều 6. áp dụng điều ước quốc tế.

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước tiếp nhận ký kết hoặc tham gia có quy định khác, thì Lãnh sự áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 7. Giá trị của văn bản do cơ quan lãnh sự cấp.

Văn bản do cơ quan lãnh sự Việt Nam cấp theo quy định của Pháp lệnh này có giá trị như văn bản do cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền trong nước cấp.

Chương II

Tổ chức của cơ quan lãnh sự

Điều 8. Thành lập cơ quan lãnh sự.

1- Việc xếp hạng cơ quan lãnh sự, khu vực lãnh sự và nơi đặt trụ sở cơ quan lãnh sự được quy định trên cơ sở thoả thuận với nước tiếp nhận.

Khu vực lãnh sự là khu vực được nước tiếp nhận thoả thuận dành cho cơ quan lãnh sự để thực hiện chức năng lãnh sự.

2- Việc thành lập cơ quan lãnh sự do Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Điều 9. Thành viên cơ quan lãnh sự.

Thành viên cơ quan lãnh sự gồm viên chức lãnh sự và nhân viên lãnh sự.

Viên chức lãnh sự gồm Tổng lãnh sự, Lãnh sự, Phó lãnh sự và Tuỳ viên lãnh sự. Viên chức lãnh sự phải là công dân Việt Nam.

Nhân viên lãnh sự gồm những người thực hiện công việc hành chính, kỹ thuật, phục vụ trong cơ quan lãnh sự. Nhân viên lãnh sự là công dân Việt Nam và cũng có thể là người nước ngoài.

Điều 10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và triệu hồi Lãnh sự.

- 1 - Lãnh sự do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao bổ nhiệm, miễn nhiệm và triệu hồi.
- 2 - Khi bổ nhiệm Lãnh sự, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao cấp cho người đó "Giấy uỷ nhiệm lãnh sự".

Điều 11. Chỉ định người tạm thời đứng đầu cơ quan lãnh sự.

Trong trường hợp người đứng đầu cơ quan lãnh sự tạm thời bị khuyết, hoặc vì lý do nào đó mà không thực hiện được chức năng của mình, thì người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước tiếp nhận chỉ định một viên chức lãnh sự của cơ quan lãnh sự đó hoặc của cơ quan lãnh sự khác hoặc một viên chức của cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tạm thời đảm nhận chức vụ đó; nếu ở nước tiếp nhận không có cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam, thì một viên chức có hàm cao nhất trong cơ quan lãnh sự đó tạm thời đảm nhận chức vụ người đứng đầu, đồng thời báo cáo ngay Bộ Ngoại giao.

Điều 12. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của cơ quan lãnh sự.

- 1 - Cơ quan lãnh sự trực thuộc Bộ Ngoại giao và hoạt động dưới sự lãnh đạo chung của người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước tiếp nhận. Trong trường hợp ở nước tiếp nhận không có cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam, thì cơ quan lãnh sự hoạt động dưới sự lãnh đạo chung của người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao kiêm nhiệm ở nước đó hoặc của Bộ Ngoại giao.
- 2 - Cơ quan lãnh sự hoạt động theo quy định của Pháp lệnh này, các quy định khác của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước tiếp nhận ký kết hoặc tham gia và phù hợp với tập quán quốc tế.

Điều 13. Mối quan hệ công tác.

- 1 - Lãnh sự có quyền liên hệ với nhà chức trách địa phương ở khu vực lãnh sự về những vấn đề có liên quan đến hoạt động lãnh sự.

Khi cần liên hệ với nhà chức trách của chính quyền Trung ương, Lãnh sự phải thông qua cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước tiếp nhận; trong trường hợp ở nước đó không có cơ quan đại diện ngoại giao, thì Lãnh sự có thể liên hệ trực tiếp, nếu pháp luật và tập quán nước tiếp nhận cho phép, hoặc giữa Việt Nam với nước tiếp nhận đã thoả thuận về vấn đề này.

- 2 - Khi thừa hành công vụ, Lãnh sự có quyền liên hệ với các cơ quan, tổ chức Trung ương và địa phương ở trong nước thông qua người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước tiếp nhận; trong trường hợp cấp bách có thể liên hệ trực tiếp, đồng thời báo cho người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao biết.

- 3 - Trong các trường hợp nói tại khoản 2 Điều này, Lãnh sự đều phải đồng thời báo cáo Bộ Ngoại giao.

Điều 14. Quốc kỳ, Quốc huy, con dấu và biển đề tên cơ quan lãnh sự.

- 1 - Cơ quan lãnh sự có quyền treo Quốc kỳ, Quốc huy Việt Nam tại trụ sở của mình.

Lãnh sự có quyền treo Quốc kỳ, Quốc huy Việt Nam tại nhà ở và trên phương tiện giao thông của mình khi phương tiện đó được sử dụng để thừa hành công vụ.

- 2 - Cơ quan lãnh sự có con dấu tròn mang hình Quốc huy Việt Nam và tên cơ quan lãnh sự bằng tiếng Việt.

- 3 - Cơ quan lãnh sự treo biển tên cơ quan lãnh sự bằng tiếng Việt và tiếng nước tiếp nhận tại trụ sở.

Điều 15. Lãnh sự danh dự.

- 1 - Lãnh sự danh dự là Lãnh sự không chuyên nghiệp và không thuộc biên chế Nhà nước Việt Nam.

ở những nơi có yêu cầu về công việc lãnh sự, song không có điều kiện thành lập cơ quan hoặc cử viên chức lãnh sự thì Bộ trưởng Bộ Ngoại giao có quyền bổ nhiệm Lãnh sự danh dự. Lãnh sự danh dự là công dân Việt Nam và cũng có thể là công dân nước ngoài.

- 2 - Lãnh sự danh dự thực hiện một số chức năng lãnh sự theo sự uỷ nhiệm của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

- 3 - Bộ trưởng Bộ Ngoại giao căn cứ vào Pháp lệnh này ban hành Quy chế về lãnh sự danh dự sau khi được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt.

Chương III

Chức năng lãnh sự đối với pháp nhân và công dân

Điều 16. Đăng ký và thống kê công dân.

- 1 - Lãnh sự đăng ký, thống kê công dân Việt Nam ở khu vực lãnh sự và cấp những giấy tờ phù hợp.

- 2 - Khi có chỉ thị của các cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền ở trong nước, Lãnh sự đăng ký nghĩa vụ quân sự đối với công dân Việt Nam ở khu vực lãnh sự.

Điều 17. Bảo hộ pháp lý.

- 1 - Lãnh sự thi hành mọi biện pháp để pháp nhân và công dân Việt Nam được hưởng đầy đủ các quyền và lợi ích theo pháp luật nước tiếp nhận, điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước tiếp nhận ký kết hoặc tham gia hoặc theo tập quán quốc tế.

- 2 - Khi các quyền và lợi ích chính đáng của pháp nhân hoặc công dân Việt Nam bị vi phạm, Lãnh sự thi hành mọi biện pháp để khôi phục quyền và lợi ích chính đáng đó.

Điều 18. Giúp đỡ công dân trong trường hợp bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị tù.

Lãnh sự có trách nhiệm bảo đảm để việc bắt, tạm giữ, tạm giam, thi hành hình phạt tù, hoặc hạn chế tự do thân thể dưới bất cứ hình thức nào đối với công dân Việt Nam ở khu vực lãnh sự đều theo đúng pháp luật nước tiếp nhận, điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước tiếp nhận ký kết hoặc tham gia, hoặc theo tập quán quốc tế.

Lãnh sự có trách nhiệm liên hệ hoặc đến thăm công dân Việt Nam đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang chấp hành hình phạt tù; tìm hiểu sự việc xảy ra, điều kiện giam giữ và thi hành những biện pháp cần thiết để bảo hộ pháp lý đối với họ.

Điều 19. Đại diện cho pháp nhân và công dân.

1 - Lãnh sự là người đại diện hợp pháp, có trách nhiệm đại diện hoặc bảo đảm việc đại diện cho pháp nhân hoặc công dân Việt Nam ở khu vực lãnh sự khi pháp nhân hoặc công dân vắng mặt mà không uỷ nhiệm người khác đại diện hoặc vì lý do nào đó họ không tự bảo vệ được quyền và lợi ích của mình.

2 - Việc đại diện nói tại khoản 1 Điều này chấm dứt khi pháp nhân hoặc công dân đó đã uỷ nhiệm người đại diện hoặc tự bảo vệ quyền và lợi ích của họ.

Điều 20. Giáo dục, vận động và giúp đỡ công dân.

1 - Lãnh sự giáo dục công dân Việt Nam tinh thần yêu nước, vận động họ hướng về Tổ quốc, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2 - Lãnh sự tuyên truyền pháp luật cho công dân Việt Nam để họ tôn trọng pháp luật của nước tiếp nhận và của Việt Nam, quan hệ hữu nghị với nhân dân nước tiếp nhận.

3 - Lãnh sự ủng hộ và giúp đỡ các hoạt động văn hoá, giáo dục của pháp nhân và công dân Việt Nam.

4 - Lãnh sự vận động mọi người giúp đỡ vật chất cho công dân Việt Nam ở khu vực lãnh sự khi họ gặp hoạn nạn, khó khăn.

Điều 21. Cấp hộ chiếu, thị thực.

1 - Lãnh sự cấp, gia hạn hộ chiếu, sửa đổi những điều ghi trong hộ chiếu; khi cần thiết, tuyên bố hộ chiếu mất hiệu lực, thu giữ hộ chiếu của công dân Việt Nam ở khu vực lãnh sự.

2 - Lãnh sự cấp thị thực nhập cảnh, nhập xuất cảnh và quá cảnh Việt Nam cho công dân Việt Nam và người nước ngoài; gia hạn, huỷ bỏ thị thực hoặc sửa đổi những điều ghi trong thị thực đã cấp.

Điều 22. Đăng ký hộ tịch.

1 - Lãnh sự đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với nhau, đăng ký khai sinh, khai tử cho công dân Việt Nam theo pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp công dân Việt Nam kết hôn với công dân nước ngoài, Lãnh sự chỉ đăng ký khi nước tiếp nhận đồng ý.

Lãnh sự thông báo cho nhà chức trách của nước tiếp nhận về việc đăng ký nói tại đoạn 1 Điều này, nếu pháp luật nước đó đòi hỏi như vậy.

2 - Lãnh sự lập sổ đăng ký hộ tịch và cấp cho công dân Việt Nam giấy tờ về hộ tịch theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3 - Lãnh sự tiếp nhận và chuyển đơn đề nghị về hộ tịch không thuộc thẩm quyền của mình cho cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền.

Điều 23. Công nhận việc nuôi con nuôi, cử người đỡ đầu.

1 - Lãnh sự có quyền công nhận việc nuôi con nuôi giữa các công dân Việt Nam và ghi vào sổ đăng ký hộ tịch.

2 - Lãnh sự có quyền công nhận, cử và thay người đỡ đầu cho công dân Việt Nam chưa đến tuổi thành niên và có trách nhiệm giám sát việc đỡ đầu đó.

3 - Việc công nhận nuôi con nuôi và cử người đỡ đầu thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 24. Thực hiện công chứng.

Lãnh sự có quyền thực hiện các hành vi công chứng sau đây:

1 - Chứng thực các hợp đồng, trừ hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu bất động sản ở nước tiếp nhận, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, nếu hợp đồng đó được thực hiện ở Việt Nam hoặc giữa công dân Việt Nam với nhau;

2 - Chứng thực di chúc của công dân Việt Nam và nếu đương sự yêu cầu, thì nhận bảo quản di chúc đó;

3 - Chứng thực giấy uỷ quyền của pháp nhân và công dân Việt Nam;

4 - Chứng thực các đoạn trích tài liệu, bản sao, bản chụp các giấy tờ tài liệu;

5 - Chứng thực chữ ký trên các giấy tờ;

6 - Chứng thực bản dịch;

7 - Chứng thực thời gian trình nộp giấy tờ;

8 - Nhận bảo quản giấy tờ, tài liệu, tiền, ngân phiếu và các đồ vật có giá trị của công dân Việt Nam.

Lãnh sự có thể thực hiện các hành vi công chứng khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 25. Nguyên tắc thực hiện công chứng.

1 - Hành vi công chứng được thực hiện theo thủ tục do pháp luật Việt Nam quy định.

2 - Hành vi công chứng được thực hiện tại cơ quan lãnh sự và bằng ngôn ngữ mà cơ quan dùng làm việc. Trong trường hợp cần thiết, hành vi công chứng có thể được thực hiện ngoài cơ quan lãnh sự.

Điều 26. Hợp pháp hoá giấy tờ, tài liệu.

1 - Lãnh sự chứng thực chữ ký và con dấu trên giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức nước tiếp nhận lập và sự phù hợp của giấy tờ, tài liệu đó với pháp luật nước tiếp nhận.

Lãnh sự không hợp pháp hoá giấy tờ, tài liệu có nội dung trái với những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Lãnh sự cũng hợp pháp hoá giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức Việt Nam lập, khi giấy tờ tài liệu đó được sử dụng ở nước tiếp nhận.

2 - Cơ quan Nhà nước Việt Nam chỉ chấp nhận xem xét các giấy tờ, tài liệu đã được Lãnh sự hợp pháp hoá, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

3 - Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định thể lệ hợp pháp hoá.

Điều 27. Chức năng lãnh sự về thừa kế.

1 - Nếu ở khu vực lãnh sự có di sản của công dân Việt Nam hoặc thừa kế được mở có lợi cho Nhà nước, pháp nhân và công dân Việt Nam, thì Lãnh sự thi hành mọi biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm việc thực hiện các quyền lợi đó.

Lãnh sự làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của nước tiếp nhận để giải quyết những vấn đề liên quan đến việc thừa kế đó.

2 - Nếu có pháp nhân và công dân Việt Nam đang ở Việt Nam hoặc ở nước thứ ba có thể được thừa kế, thì Lãnh sự thông báo ngay Bộ Ngoại giao những điều biết được về việc thừa kế. Lãnh sự thực hiện quyền đại diện cho người thừa kế theo yêu cầu của họ.

3 - Trong trường hợp công dân Việt Nam ở khu vực lãnh sự chết mà di sản không có người thừa kế, thì Lãnh sự nhận và chuyển di sản đó cho cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền.

4 - Nếu một phần hoặc toàn bộ di sản nói tại khoản 2 và khoản 3 Điều này dễ bị hư hỏng, khó bảo quản hoặc khó vận chuyển, thì Lãnh sự có thể bán và chuyển tiền cho người thừa kế hoặc cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền.

Điều 28. Tiếp nhận và chuyển đơn, bằng chứng.

Lãnh sự có trách nhiệm tiếp nhận đơn và bằng chứng liên quan của pháp nhân, công dân Việt Nam trong khu vực lãnh sự và chuyển về cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền.

Điều 29. Chức năng lãnh sự về quốc tịch.

Lãnh sự tiếp nhận đơn xin vào, xin thôi, xin trở lại quốc tịch Việt Nam và đơn khiếu nại về việc tước quốc tịch Việt Nam hoặc về việc huỷ bỏ quyết định cho vào quốc tịch Việt Nam và chuyển những đơn đó về cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền ở trong nước, khi có kết quả, Lãnh sự thông báo cho đương sự.

Điều 30. Thực hiện uỷ thác tư pháp.

Lãnh sự thực hiện uỷ thác tư pháp của cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền đối với công dân Việt Nam ở khu vực lãnh sự, nếu việc đó không trái với pháp luật nước tiếp nhận hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước tiếp nhận ký kết hoặc tham gia. Việc thực hiện các uỷ thác này phải tuân theo các quy định của pháp luật tổ tụng Việt Nam.

Điều 31. Lệ phí lãnh sự.

Lãnh sự thu lệ phí và những phí tổn thực tế liên quan đến việc thực hiện công việc lãnh sự theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng.

Chương IV

Chức năng lãnh sự đối với tàu biển, máy bay và các phương tiện giao thông, vận tải khác.

Điều 32. Chức năng chung.

Lãnh sự theo dõi, giúp đỡ mọi sự cần thiết để các phương tiện giao thông, vận tải Việt Nam ở khu vực lãnh sự được hưởng đầy đủ các quyền mà pháp luật nước tiếp nhận, điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước tiếp nhận ký kết hoặc tham gia hoặc tập quán quốc tế dành cho các phương tiện đó.

Điều 33. Giúp đỡ về pháp lý.

1 - Lãnh sự thi hành mọi biện pháp cần thiết để khôi phục các quyền bị vi phạm của tàu biển mang cờ quốc tịch tàu biển Việt Nam ở khu vực lãnh sự, dưới đây gọi chung là tàu.

2 - Lãnh sự giúp thuyền trưởng nắm được những quy định của cảng, pháp luật, tập quán địa phương và cung cấp thông tin khác liên quan đến hoạt động của tàu.

3 - Lãnh sự được quyền có mặt trong các vụ khám xét do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của nước tiếp nhận tiến hành.

Điều 34. Trách nhiệm thăm và kiểm tra tàu.

Lãnh sự có trách nhiệm thăm tàu đang ở khu vực lãnh sự và có quyền kiểm tra các giấy tờ của tàu.

Điều 35. Quyền yêu cầu báo cáo.

Trong trường hợp cần thiết, Lãnh sự có quyền yêu cầu thuyền trưởng đến trụ sở cơ quan lãnh sự và trình báo mọi chi tiết về hành trình của tàu.

Điều 36. Cấp và chứng thực các giấy tờ, tài liệu.

1 - Lãnh sự cấp "Giấy phép mang cờ quốc tịch tàu biển tạm thời" cho tàu mau hoặc nhận ở nước ngoài.

2 - Lãnh sự chứng thực các giấy tờ, tài liệu của tàu, các bản khai liên quan đến tàu, hàng hoá, tài chính của tàu, cấp giấy tờ cần thiết để tàu vào cảng, lưu lại cảng hoặc rời cảng dễ dàng.

Điều 37. Quyền đối với thuyền bộ.

1 - Trong trường hợp thuyền trưởng không thể thực hiện được nhiệm vụ được giao, Lãnh sự có quyền chỉ định người tạm thời thay thế, đồng thời báo cáo Bộ Ngoại giao và thông báo cho chủ tàu.

2 - Lãnh sự chứng thực và ghi vào nhật ký tàu những thay đổi về nhân sự xảy ra trong hành trình của tàu hoặc khi tàu ở cảng.

3 - Lãnh sự giải quyết tranh chấp xảy ra giữa thuyền trưởng và thuyền viên khác của tàu.

Điều 38. Chức năng lãnh sự khi tàu rời cảng.

1 - Trong trường hợp đặc biệt, Lãnh sự có quyền tạm hoãn việc khởi hành hoặc yêu cầu tàu phải rời cảng gấp trước thời hạn và phải ghi rõ lý do vào nhật ký tàu, đồng thời báo cáo Bộ Ngoại giao và thông báo cho chủ tàu.

2 - Lãnh sự có quyền gửi công dân Việt Nam, va ly lãnh sự lên tàu. Thuyền trưởng có trách nhiệm đối với va ly lãnh sự như giao thông viên lãnh sự.

Điều 39. Chức năng lãnh sự khi tàu bị sự cố.

1 - Khi tàu bị sự cố, Lãnh sự phải báo cáo ngay Bộ Ngoại giao và thông báo cho chủ tàu, đồng thời thi hành mọi biện pháp cần thiết để cứu hành khách, thuyền bộ, cứu tàu và hàng hoá; giúp đỡ họ mọi sự cần thiết.

2 - Lãnh sự xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải. Trên cơ sở tìm hiểu các tình tiết sự cố, lời khai của thuyền trưởng và các thuyền viên khác, căn cứ nội dung nhật ký tàu, Lãnh sự chứng thực kháng nghị hàng hải.

Điều 40. Chức năng lãnh sự khi tàu bị cướp đoạt.

Trong trường hợp tàu bị cướp đoạt chạy đến khu vực lãnh sự, Lãnh sự phải báo cáo ngay Bộ Ngoại giao và thông báo cho chủ tàu, đồng thời thi hành mọi biện pháp cần thiết để yêu cầu nhà chức trách địa phương bắt giữ bọn cướp, bảo vệ hành khách, thuyền bộ, tàu và hàng hoá trên tàu.

Điều 41. Chức năng lãnh sự khi có người ốm, bị tai nạn, người chết.

1 - Khi trên tàu có người ốm, bị tai nạn, Lãnh sự giúp đỡ họ vào bệnh viện, theo dõi sự chăm sóc, điều trị của bệnh viện và giúp đỡ họ mọi sự cần thiết.

2 - Trong trường hợp có người chết, Lãnh sự giúp đỡ việc mai táng hoặc hoá táng, gửi thi hài hoặc di hài về nước với đầy đủ nghi thức cần thiết.

Điều 42. Chức năng lãnh sự đối với máy bay và các phương tiện giao thông, vận tải khác.

Những quy định từ Điều 32 đến Điều 41 của Pháp lệnh này cũng được áp dụng phù hợp đối với máy bay và các phương tiện giao thông, vận tải khác của Việt Nam ở khu vực lãnh sự.

Chương V

Chức năng lãnh sự đối với việc phòng dịch và bảo vệ thực vật, động vật.

Điều 43. Phòng dịch.

Nếu ở khu vực lãnh sự xuất hiện dịch bệnh, Lãnh sự phải báo cáo ngay Bộ Ngoại giao, Bộ Y tế và các cơ quan hữu quan trong nước, nêu rõ loại, tình hình diễn biến của dịch và những biện pháp chống dịch của chính quyền sở tại. Lãnh sự thông báo cho người nhập cảnh Việt Nam là khi nhập cảnh, họ phải xuất trình giấy tiêm chủng phòng dịch.

Điều 44. Bảo vệ thực vật, động vật.

Nếu ở khu vực lãnh sự xuất hiện dịch, côn trùng có hại cho cây trồng và vật nuôi, Lãnh sự phải báo cáo Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ Y tế và các cơ quan hữu quan trong nước, thông báo cho những người nhập cảnh Việt Nam là khi nhập cảnh họ phải xuất trình giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật và sản phẩm từ động vật, thực vật sống, hoa quả và rau tươi mà họ mang theo.

Chương VI

Điều khoản cuối cùng

Điều 45. Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 1991.

Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 1990
T/M Hội đồng nhà nước
Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Chủ tịch
VÕ CHÍ CÔNG